

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA RÌ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-8-2024  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Sinh

2. Bà Nông Thị Giáp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Kim Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ dân sự lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2. *Bị đơn:* Chị Mông Thị B, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn K trình bày:*

\* Về hôn nhân: Anh K và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 14/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh K sinh sống cùng gia đình anh K tại thôn Bản Chu, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K, chị B bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đến cuối năm 2010 chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị B tại thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không còn sự quan tâm đến nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với chị B.

\* Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

\* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, qua xác minh chị B không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn chị Mông Thị B thông qua mẹ ruột của chị B là bà Mông Thị S và niêm yết các bản bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành làm việc với mẹ ruột của chị B là bà Mông Thị S. Tại các biên bản làm việc ngày 17/5/2024 và 01/7/2024 bà Mông Thị S cho biết: Chị B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt do bà S thông báo cho chị B biết nhưng do bận công việc nên chị B không về được Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh K. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh K chị B thông qua bà S nêu ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị B nhất trí ly hôn; về con chung: Chị B xác nhận vợ chồng không có con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2024, bà Mông Thị S (mẹ ruột của chị B) cho biết: Sau khi kết hôn, chị B sinh sống cùng gia đình anh K tại thôn Bản Chu, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn được một thời gian ngắn thì chị B quay về sống cùng gia đình bà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà S nghe chị B kể lại, trong thời gian chung sống, anh K thường hay mắng chửi chị B dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2024, ông Hoàng Văn A - trưởng thôn thôn Bản Chu, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Anh K và chị B tự nguyện kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn vợ chồng anh K sinh sống tại thôn Bản Chu, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến giữa năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị B về nhà mẹ đẻ sống, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Hoàng Văn K được ly hôn với chị Mông Thị B. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Văn K có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn chị Mông Thị B. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn chị Mông Thị B cư trú tại thôn K, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn chị Mông Thị B đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn K đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn K và chị Mông Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2009. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh K và chị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Hoàng Văn K: Căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại các biên bản xác minh ngày 03/4/2024, ngày 05/4/2024 và bản làm việc ngày 17/5/2024 thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng anh K, chị B phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, từ khi sống ly thân cho đến nay các bên đều không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, cả hai bên đều không còn mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2024, chị B thông qua mẹ đẻ là bà Mông Thị S trình bày ý kiến là chị nhất trí ly hôn với anh K, xác nhận vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận hôn nhân giữa anh K và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Hoàng Văn K phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn K được ly hôn với chị Mông Thị B.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003535 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Đạo,  
Huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thanh Bình**